

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67 /2017/HNGĐ-ST

Ngày: 27/11/2017

V/v Ly hôn giữa bà D và ông U.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE - TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Như Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Ngọc Hồng.
2. Ông Nguyễn Thành Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Thùy Dương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Ngày 27 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 433/2017/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2017/QĐXX-ST ngày 14 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị D, sinh năm 1970. Có mặt.
2. *Bị đơn:* Ông Mai Văn U, sinh năm 1969. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Cùng địa chỉ: ấp MH, xã MT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

NỘI D V U ÁN:

Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn bà Huỳnh Thị D trình bày: bà và ông Mai Văn U tự nguyện cưới nhau năm 1990. Đến năm 2011 có làm thủ tục đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã MT, TP BT, tỉnh Bến Tre cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, ông U nhậ thường xuyên và không quan tâm đến vợ con. Bà có khuyên can nhiều lần nhưng không mang lại kết quả. Giữa vợ chồng đã sống ly thân cách nay hơn 09 năm. Do xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Tòa giải quyết cho bà được ly hôn với ông U.

Về con chung: có Mai Diễm H, sinh ngày 09/7/1992; Mai Thị Huỳnh N, sinh ngày 01/4/1998 và Huỳnh Như Y, sinh ngày 25/01/2007. Hai con Diễm H và Huỳnh N đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Riêng cháu Như Y hiện đang sống chung với mẹ. Bà yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Y và không yêu cầu ông U cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có

Tại đơn xin vắng mặt đề ngày 06/7/2017, bị đơn ông Mai Văn U trình bày hoàn toàn trùng khớp với lời khai của bà D về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Ông đồng ý ly hôn với bà D, đồng ý để cháu Như Y sống với mẹ, ông không cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung tự thỏa thuận và không có nợ chung. Ông đề nghị tòa án giải quyết vắng mặt do ông đi làm xa, không thể tham gia tố tụng tại tòa.

XÉT THẤY:

[1] Bà Huỳnh Thị D và ông Mai Văn U đã được Ủy ban nhân dân xã MT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 08/2011 vào ngày 28/5/2011 nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Do ông U cư trú trên địa bàn thành phố Bến Tre nên Tòa án nhân dân thành phố BT thụ lý giải quyết vụ kiện về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Ông U có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt do đang đi làm xa nên Tòa án không thể mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Tại phiên tòa, bà D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ông U không có mặt nhưng trong đơn xin vắng mặt ông cũng đồng ý ly hôn với bà D và đồng ý để cháu Như Y tiếp tục sống với mẹ, ông không cấp dưỡng; tài sản chung tự thỏa thuận; nợ chung không có. Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông U đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, giữa ông bà đã ly thân nhau cách nay hơn 09 năm mà vẫn không cải thiện được quan hệ hôn nhân, yêu cầu nuôi cháu ý của bà D cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Y nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà D.

[4] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà D phải nộp theo quy định của Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Điều 51; 56; 81, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa bà Huỳnh Thị D và ông Mai Văn U.
2. Về nuôi con chung: giao cháu Huỳnh Như Y, sinh ngày 25/01/2007 cho bà Huỳnh Thị D trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận việc bà D không yêu cầu ông U cấp dưỡng nuôi con.

Riêng Mai Diễm H, sinh ngày 09/7/1992 và Mai Thị Huỳnh N, sinh ngày 01/4/1998 đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Ông U được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi quyền nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. - Về tài sản chung: tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: không có.

4. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng bà Huỳnh Thị D phải nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0013159 ngày 17 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BT. Bà D đã nộp đủ án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP Bến Tre;
- Chi cục THADS TP BT;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã MT, TP BT
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Như Phương